

Phụ lục 1:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH ĐẮK LẮK SAU ĐIỀU TRA

(Kèm theo Phương án số: /PA-UBND ngày /10/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Diện tích tưới thực tế (ha)

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
1.14	Trạm Bơm ao Cửa Miễn	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							16,1	16,1
1.15	TB chuyển cầu Cai Tiên	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							5,1	5,1
1.16	Trạm Bơm Ao Mạch	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							22,5	22,5
1.17	Trạm Bơm ao Cây Trâm	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							1,9	1,9
1.18	Trạm bơm Dầu (HTX)	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							37,4	37,4
1.19	TB chuyển Đồng Đông Ngọc	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							1,5	1,5
1.20	TB chuyển Bầu Cả	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							12,2	12,2
1.21	TB chuyển Trổ Đỏ	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							5,7	5,7
1.22	TB chuyển Thổ Bà Lường	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							1,1	1,1
1.23	TB chuyển Đập Bầu Đá	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							18,9	18,9
1.24	TB Đồng chân bầu	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							26,2	26,2
1.25	TB Chuyển Đồng Bầu Cừ	Phường Bình Kiến	Trạm bơm	UBND Xã							26,0	26,0
2	PHƯỜNG BUÔN HỒ											0,0
2.1	Hồ Suối Nước Trong	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. An Bình							0,0	66,0
2.2	Hồ Chí An	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. An Bình	50,6	12,5	96,0	2,3			100,0	95,0
2.3	Hồ Cung Kiệm	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. An Bình	120,0	10,0	80,0	2,0			0,0	98,9

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
2.4	Hồ Liên Kết	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. An Lạc	115,0	10,0	70,0	4,8			0,0	85,0
2.5	Hồ Ông Diễn	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. An Lạc	56,0	13,6	200,0	2,5			0,0	42,0
2.6	Hồ Ea Hrák	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. An Lạc	160,0	7,2	170,0	7,0			0,0	107,0
2.7	Hồ Ea Đê	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. Đạt Hiếu	73,0	11,3	69,0	0,9			20,0	50,0
2.8	Hồ Giao Thủy	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	469,0	17,3		16,0			250,0	192,2
2.9	Hồ Hồ Đá	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. Đạt Hiếu	136,3	8,8	198,0	4,7			36,0	52,0
2.10	Hồ 12/3	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. Đoàn Kết	70,0	10,0	116,0	1,2			60,0	52,0
2.11	Đập dâng Ân Mỹ	Phường Buôn Hồ	Đập dâng	Tổ HT DN P. Đoàn Kết							0,0	67,0
2.12	Hồ Hợp Thành	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	512,0	9,1	210,0	19,0	BT	1x1 m	0,0	114,9
2.13	Đập dâng Thống Nhất	Phường Buôn Hồ	Đập dâng	Chưa giao cho đơn vị quản lý							300,0	0,0
2.14	Hồ Tân Hà	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. Thống Nhất	411,4	11,0	255,8	10,6	BT	D30	0,0	152,0
2.15	Hồ Lầy Long	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. Thống Nhất	98,0	5,5	80,0	0,4			0,0	63,0
2.16	Hồ Buôn Dlung	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. Thống Nhất	60,0	6,0	300,0	1,6			0,0	51,0
2.17	Hồ Lầy Bình	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. Thống Nhất	51,0	4,0	90,0	0,6			0,0	41,0
2.18	Hồ Hà Môn	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	383,9	8,7	166,6	10,9	Bt	D30	130,0	108,3
2.19	Hồ Thuận Phát	Phường Buôn Hồ	Hồ chứa	Tổ HT DN P. Thống Nhất	118,0	3,3	100,0	0,5			0,0	69,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
3	PHƯỜNG BUÔN MA THUẬT											0,0
3.1	Hồ Nam Sơn	Phường Buôn Ma Thuật	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	61,6	14,0	250,0	4,1			41,0	29,0
3.2	Hồ Ea Kô	Phường Buôn Ma Thuật	Hồ chứa	UBND xã Cư Êbur	51,4	8,7	160,0	1,8	Bt		20,0	23,0
3.3	Hồ K'Dun	Phường Buôn Ma Thuật	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	160,0	14,8	238,0	18,6			98,0	23,0
3.4	Hồ 201	Phường Buôn Ma Thuật	Hồ chứa	UBND xã Cư Êbur	210,0	9,0	485,0	7,5	Bt	0,6x0,8	100,0	52,0
3.5	Hồ Buôn Đung	Phường Buôn Ma Thuật	Hồ chứa	UBND xã Cư Êbur	40,0	7,2	113,0	1,8			0,0	62,0
3.6	Hồ Quê Hương	Phường Buôn Ma Thuật	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	100,0	3,2	284,0	1,3	Bt	D60	30,0	41,9
3.7	Hồ Dĩa Prông	Phường Buôn Ma Thuật	Hồ chứa	UBND xã Cư Êbur	110,2	10,5	193,0	4,3				96,0
3.8	Hồ 11-3 (Ea Kmur)	Phường Buôn Ma Thuật	Hồ chứa	UBND P. Tân Lợi	110,0	8,5	120,0	0,6			0,0	60,0
4	PHƯỜNG CƯ BAO											0,0
4.1	Hồ Nam Hồng 1	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	424,0	10,0	254,0	17,8	Bt	D40	195,0	166,4
4.2	Hồ Nam Hồng 2	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	275,2	6,3	117,0	16,4	Bt	D40	110,0	104,9
4.3	Hồ Hà Cỏ	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	192,0	7,0	338,0	10,5			28,0	97,5
4.4	Hồ Ba Ban	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Tổ HT DN P. Bình Tân	60,0	1,5	80,0	0,5			0,0	60,0
4.5	Hồ Cây Sấu	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Bình Thuận	255,0	7,5	150,0	1,0			0,0	56,0
4.6	Hồ Thôn 8	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	104,0	12,0	200,0	3,0			30,0	26,2

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
4.7	Hồ Ông Sung	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	77,0	6,0	260,0	1,7			55,0	45,7
4.8	Hồ A90 thượng	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Bình Thuận	45,0	7,5	80,0	0,5			0,0	44,0
4.9	Hồ A90 hạ	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Bình Thuận	255,0	8,0	200,0	2,2			0,0	49,9
4.10	Hồ Ea Phê	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	510,0	9,5	160,0	4,0			170,0	170,5
4.11	Hồ Hòa Bình	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	123,0	12,0	160,0	4,9			120,0	112,6
4.12	Hồ Ea Buôr	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Cư Bao	296,0	11,5	150,0	5,3			70,0	77,0
4.13	Hồ Ea Kram	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	610,0	13,5	344,0	12,7	BT	D35	95,0	141,8
4.14	Hồ Sơn Lộc	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Cư Bao	45,0	3,5	125,0	10,0			0,0	21,2
4.15	Hồ Ea Nao Đa	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Cư Bao	230,0	9,0	194,0	9,8	BT	D40	70,0	103,0
4.16	Hồ Ea Mnút	Phường Cư Bao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	160,0	13,0	88,0	5,0			50,0	35,4
5	PHƯỜNG ĐÔNG HÒA											0,0
5.1	Trạm bơm điện Hòa Vinh	Phường Đông Hòa	Trạm bơm	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam							70,0	18,0
5.2	Trạm bơm điện Nam Bình	Phường Đông Hòa	Trạm bơm	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam							1.400,0	520,9
5.3	Hồ Hòn Dinh	Phường Đông Hòa	Hồ chứa	HTX NNDV Hòa Xuân Tây 2	0,3	3,5	375,2				150,0	131,4
5.4	Hồ Đồng Khôn	Phường Đông Hòa	Hồ chứa	HTX NNDV Hòa Xuân Tây 2	2,7	16,2	303,9				200,0	175,8
5.5	Đập Đồng Mọi	Phường Đông Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				30,0	28,0

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
6	PHƯỜNG EA KAO											0,0
6.1	Hồ Ea Kao	Phường Ea Kao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	17.760,0	17,0	#####	265,0	Cv		2.250,0	760,2
6.2	Hồ Buôn Bông	Phường Ea Kao	Hồ chứa	UBND xã Ea Kao	417,0	10,5	146,0	16,0			0,0	32,0
6.3	Hồ 19/5	Phường Ea Kao	Hồ chứa	UBND xã Ea Kao	38,0	5,0	95,0	5,0				
6.4	Hồ Cao Thắng	Phường Ea Kao	Hồ chứa	UBND xã Ea Kao	18,0	4,2	275,0	3,5		0,6x0,8	50,0	40,0
6.5	Hồ Hồ Trúc	Phường Ea Kao	Hồ chứa	UBND xã P. Ea Tam	75,0	5,0	116,0	3,0			0,0	18,0
6.6	Đập dâng Alê B	Phường Ea Kao	Đập dâng	UBND xã P. Ea Tam							0,0	50,0
6.7	Hồ Ea Burr	Phường Ea Kao	Hồ chứa	UBND xã P. Ea Tam	45,0	6,0	120,0	3,5				25,0
6.8	Đập dâng Tổ dân phố 9	Phường Ea Kao	Đập dâng	UBND xã P. Ea Tam							0,0	16,0
7	PHƯỜNG HÒA HIỆP											0,0
7.1	Trạm bơm Gò Giữa (Hòa Hiệp)	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							16,0	15,8
7.2	Trạm bơm Gò Đế (Hòa Hiệp)	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							10,0	5,3
7.3	Trạm bơm điện Đồng Dừa	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam							90,0	45,0
7.4	Trạm bơm điện Đồng Phần	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam							400,0	70,0
7.5	Trạm bơm Phú Hòa	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam							48,0	48,0
7.6	Đập Bà Hộ	Phường Hòa Hiệp	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				15,0	10,5

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m ³)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
7.7	Đập Hóc Mua	Phường Hòa Hiệp	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				15,0	13,8
7.8	Đập Đồng Bè	Phường Hòa Hiệp	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				40,0	32,0
7.9	Trạm bơm điện Thọ Lâm	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							150,0	60,0
7.10	Trạm bơm Phi Trường (phường Hòa Hiệp)	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							5,0	2,6
7.11	Trạm bơm Đồng Treo	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							10,0	10,4
7.12	Trạm bơm Bến Cát	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							15,0	13,2
7.13	Trạm bơm Đồng Giữa	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							10,0	9,3
7.14	Trạm bơm Gò Thiệu	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							30,0	26,4
7.15	Trạm bơm Gò Mê	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							10,0	10,5
7.16	Trạm bơm Gò Thùng	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							10'00	9,1
7.17	Trạm bơm Gò Bời	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							15,0	12,0
7.18	Trạm bơm Gò Bắp	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							10,0	10,8
7.19	Trạm bơm Chuông Trâu	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							15,0	14,0
7.20	Trạm bơm Gò Tum	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							15,0	12,7
7.21	Trạm bơm Cồn Một	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							10,0	6,0
7.22	Trạm bơm Soi Họ	Phường Hòa Hiệp	Trạm bơm	UBND Xã							5,0	5,4

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
11.1	Hồ Ea Chư Káp thượng	Phường Tân Lập	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.190,0	13,5	347,0	13,5	Bt	D100	140,0	5,5
11.2	Hồ Thôn 1	Phường Tân Lập	Hồ chứa	UBND xã Hoà Thắng	40,0	4,0	125,0		15,0			15,0
11.3	Hồ Ea Khan	Phường Tân Lập	Hồ chứa	UBND xã Hoà Thắng	40,0	7,7	163,0	2,6			0,0	45,0
11.4	Hồ Ea Chư Káp	Phường Tân Lập	Hồ chứa	Công ty CF Việt Thắng	12.200,0	21,0	300,0	145,0	Bt		0,0	1.570,0
11.5	Hồ 1	Phường Tân Lập	Hồ chứa	Viện KHKT NLN Tây nguyên	300,0	6,0	138,0	4,6			0,0	15,0
11.6	Hồ 2	Phường Tân Lập	Hồ chứa	Viện KHKT NLN Tây nguyên	300,0	5,0	125,0	2,4			0,0	20,0
11.7	Hồ 3	Phường Tân Lập	Hồ chứa	Viện KHKT NLN Tây nguyên	150,0	9,0	188,0	2,8	BT	D50	0,0	15,0
11.8	Hồ Đoàn Kết (Ông Giám)	Phường Tân Lập	Hồ chứa	Cty TNHH Đoàn Kết	590,0	8,0	188,0	15,5			0,0	100,0
12	PHƯỜNG THÀNH NHẤT											0,0
12.1	Đập dâng Khánh Xuân	Phường Thành Nhất	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	261,2
12.2	Hồ Chư Dluê	Phường Thành Nhất	Hồ chứa	HTX NN Thống Nhất	271,0	10,0	400,0	7,6			0,0	100,0
12.3	Hồ Giò Gà	Phường Thành Nhất	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	308,2	5,3	225,0	12,7	BT	D40	120,0	45,4
12.4	Hồ Thống Nhất	Phường Thành Nhất	Hồ chứa	HTX NN Thống Nhất	279,0	4,6	734,0	15,3			160,0	70,2
13	PHƯỜNG TUY HÒA											0,0
13.1	Trạm Bơm Bung Bé	Phường Tuy Hòa	Trạm bơm	UBND Xã							13,9	13,9
13.2	Trạm bơm vĩnh tròn	Phường Tuy Hòa	Trạm bơm	UBND Xã							6,6	6,6

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Diện tích mặt thoáng (ha)	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
15.21	Hồ buôn Ắk	Xã Cư M'ta	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	290,0	11,0					0,0	30,0
15.22	Đập dâng Buôn Ắk	Xã Cư M'ta	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								
15.23	Hồ Ea Má	Xã Cư M'ta	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An	200,0	7,5	700,0				0,0	40,9
15.24	Hồ Krông Jing	Xã Cư M'ta	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.200,0	6,0					0,0	120,2
15.25	Hồ Ea Tung Xây	Xã Cư M'ta	Hồ chứa	UBND xã	125,0	7,5					30,0	35,5
15.26	Hồ Ea Ksung thượng	Xã Cư M'ta	Hồ chứa	UBND xã	56,0	6,0					0,0	15,6
16	XÃ CƯ PONG											0,0
16.1	Hồ Buôn Rừng điếc	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	265,8	14,8	254,0	7,9			132,0	223,1
16.2	Hồ Ea Kah	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Pong	90,0	9,4	91,0				70,0	50,0
16.3	Đập dâng Ea Clook	Xã Cư Pong	đập dâng	Tổ thủy nông xã Cư Pong								75,0
16.4	Hồ Ea Nhung Tiêng	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Pong	142,0	8,5	120,0	5,5			55,0	50,7
16.5	Hồ Krông Ana	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Pong	200,0	13,5	196,0	10,5	BT	D60	100,0	168,1
16.6	Hồ Ea Bơ I	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	558,0	15,9	204,0	11,4	BT		0,0	171,4
16.7	Hồ Ea Bơ II (V. chuối)	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	480,0	11,5	160,0	15,0	Bt	D60	300,0	186,1
16.8	Hồ Ea Bơ III	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	102,3	14,5	142,0	2,3			0,0	133,5
16.9	Hồ Ea Liăng	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Pong	46,0	7,0	130,0	1,2	Bt		50,0	33,4

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
16.10	Hồ Ea Tuk	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	679,0	19,7	164,0	13,4			0,0	275,1
16.11	Hồ Ea Drenh	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	392,0	17,5	163,0	10,8			0,0	293,2
16.12	Hồ Ea Mur	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Pong	114,8	9,6	66,0	2,8			50,0	29,6
16.13	Hồ Ea Kueh	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Chưa giao cho đơn vị quản lý	189,3	18,5	135,0	4,0	Bt	D30	100,0	80,0
16.14	Hồ Cư Pong	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	746,0	14,9	264,0	15,0	BT	D40	100,0	58,7
16.15	Hồ Ea Kiar	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	347,0	21,5	144,0	7,7			0,0	143,2
16.16	Hồ Ea Kring	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	257,0	19,5	110,0	5,5			0,0	178,1
16.17	Hồ Ea Kap	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	220,0	19,4	129,0	4,1			0,0	127,4
16.18	Hồ Ea Gir	Xã Cư Pong	Hồ chứa	Mới thi công chưa bàn giao	65,6	12,9	99,6	2,3	BT	D30	120,0	90,0
17	XÃ CƯ PRAO											0,0
17.1	Hồ Buôn Pa	Xã Cư Pao	Hồ chứa	Hư hỏng hoàn toàn								
17.2	Hồ chứa phân trại số 1	Xã Cư Pao	Hồ chứa	Trại giam Đắc Tân	950,0	17,6	150,0	21,1	Bt		665,5	665,5
17.3	Hồ chứa phân trại số 2	Xã Cư Pao	Hồ chứa	Trại giam Đắc Tân	294,8	12,5	113,0	20,0	Bt	D50	80,0	80,0
17.4	Hồ chứa nước Trung tâm	Xã Cư Pao	Hồ chứa	Trại giam Đắc Tân	1.804,0	22,5	136,4		Bt	D50	300,0	300,0
18	XÃ CƯ PUI											0,0
18.1	Đập dâng Ea Play	Xã Cư Pui	Đập dâng	Tổ HT QL CTTL, xã Cư Pui		2,0					0,0	37,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
18.2	Hồ Ea Pren (Buôn Phung)	Xã Cư Pui	Hồ chứa	Tổ HT QL CTTL	88,0	11,8	187,0	2,6	C van	D30	28,0	13,0
18.3	Hồ Ea Hmun	Xã Cư Pui	Hồ chứa	Tổ HT QL CTTL	161,0	10,0	176,0	7,6			0,0	23,0
18.4	Hồ Buôn Khóa	Xã Cư Pui	Hồ chứa	Tổ HT QL CTTL	167,0	11,0	272,0	6,8			0,0	24,0
18.5	Trạm bơm Buôn Tliêr	Xã Cư Pui	Trạm bơm	Tổ HTDN Hòa Phong								
18.6	Đập dâng Sơn Phong	Xã Cư Pui	Đập dâng	Tổ HTDN Hòa Phong							0,0	69,3
18.7	Đập dâng Chí Phèng	Xã Cư Pui	Đập dâng	Tổ HTDN Hòa Phong							0,0	60,0
18.8	Đập dâng Ea Druôih	Xã Cư Pui	Đập dâng	Tổ HTDN Hòa Phong							0,0	56,0
19	XÃ CƯ YANG											0,0
19.1	Hồ Ea Thu	Xã Cư Yang	Hồ chứa	HTX NN Toàn Thắng	176,0	7,9	355,0	13,9			0,0	55,1
19.2	Hồ Lô Ô	Xã Cư Yang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	383,0	12,0	211,0	17,0			35,0	65,6
19.3	Hồ Buôn Trung	Xã Cư Yang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.040,0	8,7	508,0	24,8			0,0	252,0
19.4	Hồ Ea Bớt	Xã Cư Yang	Hồ chứa	HTX NN Toàn Thắng	268,0	14,2	70,0	6,8	BT	D40	90,0	90,0
19.5	Trạm Bơm 132	Xã Cư Yang	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	219,3
19.6	Hồ Ea Ngao	Xã Cư Yang	Hồ chứa	HTX NN Cư Jang	493,0	8,5	963,0	18,5	Bt	D30	38,0	65,0
19.7	Hồ Thôn 11-13	Xã Cư Yang	Hồ chứa	HTX NN Cư Jang	150,0	5,0	200,0	7,3	Bt	D30	30,0	58,0
19.8	Hồ Ea Dui	Xã Cư Yang	Hồ chứa	HTX NN Cư Jang	100,0	5,0	150,0	4,2			0,0	91,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Diện tích mặt thoáng (ha)	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
19.9	Hồ Ea Khua	Xã Cư Yang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	503,0	11,9	438,0	13,0	BT	D30	42,0	57,3
19.10	Hồ Krông Pắc Thượng	Xã Cư Yang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL								
20	XÃ CUƠI ĐĂNG											0,0
20.1	Hồ Ea Ring	Xã Cuôl Đăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	560,9	10,0	310,0	11,4			70,0	84,3
20.2	Hồ Ea Mkang	Xã Cuôl Đăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	431,0	12,5	118,0	12,8	Bt	D60	150,0	52,6
20.3	Hồ Ea Sút	Xã Cuôl Đăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 15	146,0	8,0	145,0	5,1			0,0	80,0
20.4	Hồ Phú Xuân (thủy điện)	Xã Cuôl Đăng	Hồ chứa	Cty Cao su Phú Xuân	600,0	11,0	125,0	3,4			0,0	30,0
20.5	Hồ Ea Kruê	Xã Cuôl Đăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	40,0	11,0	82,0	1,0			0,0	32,5
20.6	Hồ Ea Nhuôl	Xã Cuôl Đăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	350,0	10,0	150,0	2,9			0,0	67,4
20.7	Hồ Buôn Tah 1	Xã Cuôl Đăng	Hồ chứa	HTX NN QLCT TL mm, thủy lợi nội đồng huyện Cư M'gar	155,0	11,7	102,8	3,3	Bt	D30	77,0	70,8
21	XÃ ĐẮK LIÊNG											0,0
21.1	Hồ Buôn Tría	Xã Đắc Liêng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	5.000,0	16,0					0,0	537,4
21.2	Trạm bơm cánh đồng 8/4	Xã Đắc Liêng	Trạm bơm	HTX dịch vụ 8/4							0,0	443,0
21.3	Trạm bơm Quyết Thắng	Xã Đắc Liêng	Trạm bơm	HTX DVNN Quyết Thắng							0,0	98,0
21.4	Đập dâng Đông Giang 2	Xã Đắc Liêng	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							300,0	0,0
21.5	Hồ Buôn Triết	Xã Đắc Liêng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	20.866,0	23,0	325,0		BT		1.629,0	1.355,3

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
22.2	Hồ Buôn Jon	Xã Đăk Phoi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	125,0	13,9					21,0	18,2
22.3	Đập dâng Liêng Ông	Xã Đăk Phoi	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							250,0	295,0
22.4	Đập dâng Buôn Du Mah	Xã Đăk Phoi	Đập dâng	Mới thi công chưa bàn giao							0,0	0,0
22.5	Hồ Buôn Du Mah	Xã Đăk Phoi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	190,0	13,5	503,0	6,3	BT	D30	50,0	8,8
22.6	Hồ Buôn Đung	Xã Đăk Phoi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	79,5	14,9	100,0	1,8	Bt	D30	15,0	6,3
22.7	Trạm bơm Buôn Du Mah	Xã Đăk Phoi	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							75,0	6,2
22.8	Hồ Buôn Tlông	Xã Đăk Phoi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	331,0	13,2	512,0	10,0	Bt	D30	29,0	53,2
22.9	Hồ Đăk Blu	Xã Đăk Phoi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	285,0	12,6					0,0	117,5
23	XÃ DANG KANG											0,0
23.1	Trạm bơm Bàu Lác	Xã Dang Kang	Trạm bơm	Tổ dùng nước Cư Kty								
23.2	Trạm bơm Bàu Cắm	Xã Dang Kang	Trạm bơm	Tổ dùng nước Cư Kty								
23.3	Trạm bơm Thôn 7	Xã Dang Kang	Trạm bơm	Tổ dùng nước Cư Kty								
23.4	Hồ Cư Păm	Xã Dang Kang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	2.000,0	10,0	230,0	15,5			0,0	260,9
23.5	Hồ Cư Drang	Xã Dang Kang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	550,0	8,3	269,0	22,4			25,0	84,4
23.6	Hồ Dang Kang hạ	Xã Dang Kang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	215,0	7,0	118,0	23,5			120,0	56,4
23.7	Hồ Dang Kang thượng	Xã Dang Kang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	374,0	9,0	296,0	14,0	BT	D40	120,0	24,2

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
23.8	TB cánh đồng Xây Dựng	Xã Dang Kang	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	56,8
23.9	TB cánh đồng Quyết Tâm	Xã Dang Kang	Trạm bơm	Tổ HT TN cơ sở Hòa Tân							0,0	56,0
23.10	Hồ 19/5 (Hòa Thành)	Xã Dang Kang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	473,0	7,0	980,0	44,0			0,0	93,0
24	XÃ DLIÊYA											0,0
24.1	Hồ Ea Bir	Xã Dliêya	Hồ chứa	Cty cao su Krông Buk	980,0	15,7	174,0	28,2	Bt		0,0	238,0
24.2	Hồ đập treo lô 42	Xã Dliêya	Hồ chứa	Cty cao su Krông Buk	165,0	8,7	165,0	1,7			0,0	50,0
24.3	Hồ lô 31	Xã Dliêya	Hồ chứa	Cty cao su Krông Buk	20,0	7,0	65,0	2,0			0,0	28,0
24.4	Hồ Ea Bir 1	Xã Dliêya	Hồ chứa	Cty cao su Krông Buk	99,0	3,1	185,0	3,5			0,0	30,0
24.5	Hồ Ea Blong hạ	Xã Dliêya	Hồ chứa	HTX NN Thành công	90,0	7,0	134,0	5,0			0,0	62,5
24.6	Hồ Ea Blong thượng	Xã Dliêya	Hồ chứa	HTX NN Thành công	220,0	10,0	206,0	5,3	Bt	D40	84,0	77,0
24.7	Hồ Ea Kút	Xã Dliêya	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	502,0	14,5	203,0	9,5	Bt	D35	125,0	154,1
24.8	Hồ Ea Pan	Xã Dliêya	Hồ chứa	HTX NN Thành công	340,0	8,0	154,0	2,0	Bt	D30	0,0	171,3
24.9	Hồ Ea Tía (Ea Toa)	Xã Dliêya	Hồ chứa	HTX NN Thành công	118,0	8,2	244,0	2,2			0,0	131,3
24.10	Hồ Sinh Kè	Xã Dliêya	Hồ chứa	HTX NN Thành công	253,0	9,0	205,0	8,0			0,0	164,0
24.11	Hồ.Ea Kné	Xã Dliêya	Hồ chứa	HTX NN Thành công	276,5	13,5	81,0	6,8	Bt	D30	65,0	85,0
24.12	Hồ.Ea Ruế	Xã Dliêya	Hồ chứa	HTX NN Thành công	90,0	9,3	130,0	1,7			0,0	45,9

[illegible]

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
28.9	Trạm bơm 125	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình							100,0	68,9
28.10	Trạm bơm 126	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình							80,0	31,2
28.11	Trạm bơm dầu (Máy nổ)	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình							50,0	27,0
28.12	Trạm bơm T76	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình							200,0	73,2
28.13	Trạm bơm T26	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình							150,0	98,3
28.14	Trạm bơm T77	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình							150,0	75,6
28.15	Trạm bơm T27	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình							200,0	171,7
28.16	Trạm bơm T180	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình								53,0
28.17	Trạm bơm T144	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình								181,0
28.18	Trạm bơm T160	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình								94,0
28.19	Trạm bơm T151	Xã Dur Kmäl	Trạm bơm	HTX Thanh Bình								72,0
29	XÃ EA BÁ											0,0
29.1	Hồ Eadin 1	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	1,0	13,0	147,0				200,0	212,7
29.2	Hồ Ea Din 2	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				200,0	158,0
29.3	Hồ Đội 5	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	0,2	6,8	92,0				150,0	109,1
29.4	Hồ Đội 6	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				150,0	101,5

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Diện tích mặt thoáng (ha)	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
29.5	Hồ Chữ Y Nhánh Đông	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	1,3	9,0	150,0				0,0	195,1
29.6	Hồ Chữ Y Nhánh Tây	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	6,8	200,0				0,0	106,6
29.7	Hồ Ea Mken	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	0,3	8,0	185,0				150,0	155,0
29.8	Hồ Đội 3-1	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				0,0	0,0
29.9	Hồ Đội 3-2	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				0,0	0,0
29.10	Hồ Đội 7-1	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				0,0	0,0
29.11	Hồ Đội 7-2	Xã Ea Bá	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				0,0	0,0
29.12	Đập Buôn Thứ	Xã Ea Bá	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,0	105,0				55,0	22,3
29.13	Đập Buôn Ken	Xã Ea Bá	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,7	30,0				39,2	29,3
29.14	Đập Buôn Chao	Xã Ea Bá	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				0,0	21,0
30	XÃ EA BUNG											0,0
30.1	Hồ 739	Xã Ea Bung	Hồ chứa	Bộ CH Bộ đội biên phòng	4.333,0	10,3	#####	190,0			300,0	0,0
31	XÃ EA DRĂNG											0,0
31.1	Hồ Buôn Sek điêk	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	71,0	14,6	135,0	2,2			0,0	87,9
31.2	Hồ Ea Be	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Mới hoàn thành	84,0	16,3	67,7	2,3	Bt	D30	100,0	100,0
31.3	Hồ thủy điện Ea Drăng	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Phòng Kinh tế Hạ tầng	330,0	13,0	325,0	311,0			0,0	0,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
31.4	Hồ Ea Drăng (Trung tâm)	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.217,0	15,6	224,0	26,7	BT	D70	500,0	733,6
31.5	Hồ Ea Ral 1	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	HTX DVNN Bình An	110,0	7,0	300,0	9,6			0,0	96,0
31.6	Hồ Ea Ral 2	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	290,0	9,0	195,0	13,5			65,0	111,4
31.7	Hồ Ea Poh	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	73,0	10,0	70,0	3,8			0,0	40,5
31.8	Hồ Ea Dăh	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	53,4	11,5	179,0	3,8			0,0	48,8
31.9	Hồ Buôn Riêng (A Riêng)	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	130,0	12,4	100,0	6,0	Bt		40,0	52,3
31.10	Hồ Ea Dreh 1	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	16,0	5,0	80,0	1,0			0,0	24,5
31.11	Hồ 86 (Thuần Mẫn)	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	110,0	3,8	65,0	7,5			0,0	56,2
31.12	Hồ Ea Tlam	Xã Ea Drăng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	190,0	14,0	123,0	3,2			60,0	37,7
32	XÃ EA DRÔNG											0,0
32.1	Đập dâng Buôn Tring	Xã Ea Drông	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							200,0	107,5
32.2	Hồ Tong Mja	Xã Ea Drông	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Blang	225,0	8,0	166,0	2,7			124,0	109,5
32.3	Hồ Dung Kbiêng	Xã Ea Drông	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Blang	40,0	4,2	40,0	1,0			0,0	40,0
32.4	Hồ Ea Drông	Xã Ea Drông	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	220,0	10,40	350,00	3,8	BT	D40	40,0	170,7
32.5	Hồ Ea Mrông	Xã Ea Drông	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	150,0	13,80	230,00	4,3	BT	D30	17,0	126,7
32.6	Hồ Ea Tung	Xã Ea Drông	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	109,0	8,0	118,0	5,0			0,0	126,7

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
33.11	Đập dâng Mơ Nút	Xã Ea Hiao	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL		4,4					0,0	84,3
33.12	Hồ Ea Jun (Ea Iun)	Xã Ea Hiao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	174,0	11,5	241,0	8,2			0,0	25,1
33.13	Hồ Buôn Hoai	Xã Ea Hiao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	60,0	5,3	68,0	2,8			20,0	12,5
33.14	Hồ Ea Ksam	Xã Ea Hiao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	116,0	12,0	228,0	5,2	BT	D30	21,0	27,3
33.15	Hồ Ea Túk	Xã Ea Hiao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	400,0	8,2	249,0	4,0			0,0	59,9
33.16	Hồ Ea Znín (H'ninh)	Xã Ea Hiao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	208,0	10,5	279,0	5,2	BT	D30	120,0	139,7
33.17	Hồ Ea Blong 1	Xã Ea Hiao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	60,0	11,5	107,0	1,9	BT	D30	65,0	122,3
34	XÃ EA H'LEO											0,0
34.1	Hồ Ea H'leo 1	Xã Ea H'leo	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	25.510,0	59 và 16	312 và 305	268,5	BT	D120	5.000,0	
35	XÃ EA KAR											0,0
35.1	Đập dâng Buôn M'oa	Xã Ea Kar	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	21,5
35.2	Hồ Ea Bư	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	569,0	12,5	220,0	9,5			0,0	116,1
35.3	Hồ Ea Ô thượng	Xã Ea Kar	Hồ chứa	HTX NN Cư Ni	162,7	6,6	175,0	11,0			0,0	30,0
35.4	Trạm bơm thôn 23	Xã Ea Kar	Trạm Bơm	HTX NN Cư Ni								43,0
35.5	Trạm bơm Quảng Cư 1A	Xã Ea Kar	Trạm Bơm	HTX NN Cư Ni								26,0
35.6	Hồ Đội 7 (C7)	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 720	576,0	10,0	390,0	8,2			0,0	165,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
35.7	Hồ Đội 9 (C9)	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 720	430,0	7,0	450,0	7,0			0,0	100,0
35.8	Hồ Ea Ô Hạ	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 721	1.445,0	6,0	100,0	56,0	Bt		520,0	45,0
35.9	Hồ Đội 1	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 721	380,0	12,7	215,0	9,6			0,0	175,0
35.10	Hồ Đội 3A	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 52	80,0	8,0	75,0	1,6	Bt		0,0	50,0
35.11	Hồ Đội 3	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 52	130,0	6,5	119,0	3,0	Bt		0,0	50,0
35.12	Hồ C3 (Đội 5)	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 52	128,0	6,4	181,0	2,6	Bt		0,0	28,0
35.13	Hồ C4 (Đội 6)	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 52	425,0	5,5	271,0	10,0	Bt		0,0	50,0
35.14	Hồ Cơ quan	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 52	58,0	5,0	152,0	2,1			0,0	10,0
35.15	Hồ Đội 7	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	576,0	10,0	370,0				0,0	144,0
35.16	Hồ Đội 8	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.824,0	11,5	370,0	43,0			0,0	185,2
35.17	Hồ Ea Taul	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Ea Đar	83,0	8,0	120,0	1,6			0,0	124,0
35.18	Hồ Ea Ô thượng	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Ea Đar	300,0	9,0	175,0	10,1				30,0
35.19	Hồ Ea Kar	Xã Ea Kar	Hồ chứa	HTX du lịch Ea Kar	8.240,0	13,0	360,0	144,0	Bt		995,0	738,0
35.20	Hồ Ea Kar thượng	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Tổ TN TT Ea Kar	280,0	6,9	362,0	12,7			0,0	106,0
35.21	Hồ Ea Kdruôl	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Tổ TN TT Ea Kar	260,0	7,0	210,0	4,2			0,0	33,8
35.22	Hồ C11 (Đội 11)	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 720	600,0	8,0	848,0		Bt	D80	165,0	290,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
35.23	Trạm bơm Điện Biên	Xã Ea Kar	Trạm bơm	HTX NN Ea Kmút							0,0	70,0
35.24	Trạm bơm Buôn Ga	Xã Ea Kar	Trạm bơm	HTX NN Ea Kmút								20,6
35.25	Trạm bơm Thôn 3	Xã Ea Kar	Trạm bơm	HTX NN Ea Kmút								50,0
35.26	Hồ Đồi 500	Xã Ea Kar	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	3.300,0	20,0	135,0	37,0			0,0	83,3
35.27	Hồ Đội 4 (Xuân phú 1)	Xã Ea Kar	Hồ chứa	HTX Hợp Thành	200,0	7,0	150,0	12,0			0,0	45,0
35.28	Hồ Trung Hòa	Xã Ea Kar	Hồ chứa	HTX Hợp Thành	110,0	7,0	120,0	4,3			45,0	45,0
35.29	Hồ Ea Tao	Xã Ea Kar	Hồ chứa	HTX Hợp Thành	142,0	7,0	160,0	6,7			0,0	63,0
35.30	Hồ Thôn 7	Xã Ea Kar	Hồ chứa	HTX Hợp Thành	90,0	6,7	95,0	4,3			27,0	29,0
36	XÃ EA KHÃI											0,0
36.1	Hồ Ea Tu (Buôn Dung)	Xã Ea Khăi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	151,0	15,0	153,0	3,2	BT	D30	55,0	47,8
36.2	Hồ Ea Red (Ea Dreh)	Xã Ea Khăi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	323,0	13,5	140,0	9,0	Ô Buy	D40	93,0	168,6
36.3	Hồ Ea Wy thượng	Xã Ea Khăi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	124,7	14,8	148,8	3,2	BT	D30	97,0	106,5
36.4	Hồ Ea Bang	Xã Ea Khăi	Hồ chứa	Chưa giao cho đơn vị quản lý	37,1	10,1	96,0	1,9	BT	D30	100,0	58,2
36.5	Hồ Buôn Briêng A	Xã Ea Khăi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	35,0	10,0	99,5	3,5			80,0	43,7
36.6	Hồ Ea DRú I	Xã Ea Khăi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	90,0	7,4	80,0	1,0			0,0	38,4
36.7	Hồ Ea Druh (Ea Rú)	Xã Ea Khăi	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	99,0	12,5	124,0	2,5	BT		32,0	82,4

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
36.8	Hồ Ea Trang	Xã Ea Khăl	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	169,4	9,7	138,0	6,5			32,0	147,8
36.9	Hồ Buôn KDruh	Xã Ea Khăl	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	19,3	7,7	132,0	1,7			0,0	32,0
36.10	Hồ Ea Khal 1	Xã Ea Khăl	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	280,0	12,5	196,0	12,3			150,0	136,1
36.11	Hồ Ea Khal 2	Xã Ea Khăl	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	458,0	12,0	202,0	10,8			0,0	155,3
36.12	Hồ Ea Ksung	Xã Ea Khăl	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	130,0	17,7	110,0	2,3	BT		64,0	103,7
36.13	Hồ Buôn Briêng B	Xã Ea Khăl	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	174,0	12,5	157,0	6,8			55,0	83,7
36.14	Hồ Ea Tir	Xã Ea Khăl	Hồ chứa	Chưa giao cho đơn vị quản lý	445,0	16,0	148,0	14,6	Bt	D80	150,0	100,0
37	XÃ EA KIẾT											0,0
37.1	Hồ Thôn 9	Xã Ea Kiết	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	339,0	7,0	95,0	8,9	Bt		0,0	29,9
37.2	Hồ Thôn 11	Xã Ea Kiết	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	530,0	13,3	645,0	10,4			80,0	130,0
37.3	Hồ Buôn Ya Wăm	Xã Ea Kiết	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.200,0	12,0	147,0	5,5			0,0	131,8
37.4	Hồ Buôn Wing	Xã Ea Kiết	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.150,0	14,8	300,0	32,7			200,0	277,4
37.5	Hồ Buôn Jun 1	Xã Ea Kiết	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	72,8	13,60	368,00	1,9			80,0	145,7
37.6	Hồ Buôn Thái	Xã Ea Kiết	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	214,0	12,5	195,0	8,5			120,0	151,7
38	XÃ EA KLY											0,0
38.1	Hồ Đội 2	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty Cà phê 719 (làm ruộng)	320,0	8,0	486,0	15,0			0,0	20,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Diện tích mặt thoáng (ha)	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
38.2	Hồ Đội 4	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty Cà phê 719 (làm ruộng)	370,0	7,0	160,0	11,8			0,0	0,0
38.3	Hồ Đội 5	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty Cà phê 719 (làm ruộng)	275,0	7,0	300,0	21,0			0,0	0,0
38.4	Hồ Đội 6	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty Cà phê 719 (làm ruộng)	499,0	7,4	180,0				0,0	0,0
38.5	Hồ Đội 9 (C9)	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	3.290,0	6,2	711,0	98,0			350,0	230,0
38.6	Hồ A1 (Đội 1)	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	420,0	10,0	600,0	34,9			0,0	88,0
38.7	Hồ A2	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.532,0	7,8	718,0	18,8	BT	D30	168,0	30,0
38.8	Đập dâng Thôn 11	Xã Ea Kly	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
38.9	Hồ Buôn Krai B	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Kly	55,7	6,4	220,0	6,3				47,0
38.10	Hồ K47	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty cà phê Phước Sơn	409,0	6,0					0,0	30,0
38.11	Hồ K49	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty cà phê Phước Sơn	95,0	4,8					0,0	22,0
38.12	Hồ Ea Oh (B Mbê)	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Tổ dùng nước xã Krông Búk	275,0	7,0	210,0		Bt	D30	52,0	88,0
38.13	Hồ cận C6	Xã Ea Kly	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 720	396,0	5,0					0,0	120,0
39	XÃ EA KNỚP											0,0
39.1	Hồ Ea Knốp	Xã Ea Knốp	Hồ chứa	Cty mía đường 333	11.000,0	23,0	549,0	282,0			0,0	400,0
39.2	Hồ Thôn 7	Xã Ea Knốp	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	420,0	12,7	215,0	10,5			0,0	64,9
39.3	Hồ Đội 1 (Trại giống điều)	Xã Ea Knốp	Hồ chứa	Tổ TN TT Ea Knốp	29,0	2,2		3,9			0,0	76,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
39.4	Hồ Đội 2 (Trại giống điều)	Xã Ea Knốp	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	27,0	9,4	70,0	3,1			0,0	5,2
39.5	Hồ Đội 4 a	Xã Ea Knốp	Hồ chứa	Tổ TN TT Ea Knốp	200,0	6,0	150,0	10,8			0,0	95,0
39.6	Hồ Bằng Lăng	Xã Ea Knốp	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	351,0	8,5	245,0	8,9			0,0	239,7
39.7	Hồ Trại Bò	Xã Ea Knốp	Hồ chứa	TT Khuyến Nông	135,9	10,0	245,0	6,2			100,0	70,0
39.8	Hồ Ea Týh	Xã Ea Knốp	Hồ chứa	Tổ thủy nông Ea Týh	120,0	7,0	150,0	4,5			0,0	25,0
39.9	Hồ Buôn Ea Knốp	Xã Ea Knốp	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	150,0	4,5	195,0	2,2			0,0	32,7
40	XÃ EA KNUẾC											0,0
40.1	Hồ 87	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	301,0	9,8	174,0	11,4			0,0	20,0
40.2	Hồ 90	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	252,0	9,3	145,0	2,7			0,0	50,0
40.3	Hồ 1-5 I	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	102,0	10,0	180,0	5,7			0,0	20,0
40.4	Hồ 1-5 II (Sinh Mía)	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	118,0	6,0	154,0	4,6			0,0	20,0
40.5	Hồ 1-5 III (Ful Rô)	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	145,0	9,0	90,0	6,6			0,0	40,0
40.6	Hồ Phước Lợi	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	185,0	7,0	150,0	8,0			0,0	70,0
40.7	Hồ Phước Mỹ I	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	105,0	5,0	110,0	12,2			0,0	70,0
40.8	Hồ Phước Mỹ II	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	550,0	12,0	180,0	27,4			0,0	150,0
40.9	Hồ Quyết Thắng	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	180,0	5,0	205,0	2,7			0,0	70,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
40.10	Hồ 83	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	163,0	6,0	135,0	3,3			0,0	15,0
40.11	Hồ Cầu 22	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Kênh	80,0	6,0		2,7			0,0	46,0
40.12	Hồ Buôn Cư Quai	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Kênh	420,7	8,5	129,0	8,0			0,0	25,0
40.13	Hồ Ea Tir (Buôn Pốc)	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	530,0	15,0	285,0	11,0	Cv	D40	131,1	134,8
40.14	Hồ Ea Kmur	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Kênh	30,0	5,3	87,0				0,0	55,0
40.15	Hồ Công ty 53 I	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 15	420,0	15,0	150,0	17,2				200,0
40.16	Hồ Công ty 53 II	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 15	300,0	10,0	150,0	8,5				50,0
40.17	Hồ Công ty 53 III	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 15	300,0	10,0	100,0	3,2				45,0
40.18	Hồ Buôn Riêng	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	200,0	7,0						35,0
40.19	Hồ Hàn Kỳ	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	150,0	6,5	104,0					30,0
40.20	Hồ Buôn Riêng A	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Knuéc	307,0	6,9	211,0	11,6	Bt	D40	45,0	53,0
40.21	Hồ Buôn Kang I	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Knuéc	250,0	8,0	110,0					60,0
40.22	Hồ Buôn Pu Huch	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Knuéc	125,0	7,2	172,0	6,8				60,0
40.23	Hồ Tổ Hoa	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Knuéc	206,0	10,0	355,0					60,0
40.24	Hồ Ea Nhái	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty cà phê Thắng Lợi	11.028,0	10,3	620,0	357,0				1.882,0
40.25	Hồ Đội I	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty Cà phê Tháng 10	247,5	6,0					0,0	86,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
40.26	Hồ Chăn Nuôi	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN Hòa Đông	120,0	7,5					0,0	80,0
40.27	Hồ 19/5 Đập 1)	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN Hòa Đông	302,8	12,7					57,0	21,4
40.28	Hồ Tân Hòa II (Ea Hnin)	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	302,8	6,0					57,0	26,3
40.29	Hồ Chu Ta Ra	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	200,0	7,0					0,0	23,2
40.30	Hồ Cạn Thôn Quyết Thắng	Xã Ea Knuéc	Hồ chứa	Tổ HTDN Hòa Đông	40,0	5,8					0,0	36,0
41	XÃ EA KTUR											0,0
41.1	Hồ Ea Mát	Xã Ea Ktur	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	796,0	8,0	350,0	21,0	BT	D40	220,0	107,0
41.2	Hồ Ea Bih	Xã Ea Ktur	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.360,0	9,0	200,0	38,0			150,0	113,0
41.3	Đập Dâng Ea HJê	Xã Ea Ktur	Đập dâng	Tổ HTDN xã Ea Bhók							14,6	14,6
41.4	TB Buôn Kô ÊMông A	Xã Ea Ktur	Trạm bơm	Tổ HTDN xã Ea Bhók							0,0	25,0
41.5	Hồ chế biến	Xã Ea Ktur	Hồ chứa	Cty TNHH MTV Ea Ktur	796,0	8,0	200,0	6,3			220,0	115,0
41.6	Đập dâng Ea Pour (Đội 10)	Xã Ea Ktur	Đập dâng	Cty TNHH MTV Ea Ktur	314,0	6,0					0,0	70,0
41.7	Hồ Buôn Pu Huê	Xã Ea Ktur	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	590,0	6,0	128,0	12,0			150,0	136,7
41.8	Hồ Đội 9 (37B)	Xã Ea Ktur	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	110,0	8,0	150,0	1,8			0,0	20,2
41.9	Hồ Đội 3 (Thôn 13)	Xã Ea Ktur	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Ktur	105,0	7,0	130,0	4,1			0,0	50,0
41.10	Hồ Đội 37A (Đội 9 Số 1)	Xã Ea Ktur	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	110,0	8,0	180,0	1,4			0,0	7,8

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
43	XÃ EA M'DROH											0,0
43.1	Đập dâng Ea M'droh	Xã Ea M'Droh	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								
43.2	Hồ Ea Rêch	Xã Ea M'Droh	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	425,8	17,5	149,0	9,8			110,0	170,5
43.3	Đập dâng Ea Rêh	Xã Ea M'Droh	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								
43.4	Đập dâng Ea Mnang	Xã Ea M'Droh	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
43.5	Hồ Buôn Dung (Thung)	Xã Ea M'Droh	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	189,0	8,0	334,0	17,4			0,0	93,8
44	XÃ EA NA											0,0
44.1	Trạm bơm Buôn Kóp	Xã Ea Na	Trạm bơm								137,0	
44.2	Hồ Ea Gôi	Xã Ea Na	Hồ chứa	UBND xã	150,0	6,0						50,0
44.3	Hồ Ea Tuôr	Xã Ea Na	Hồ chứa	UBND xã	48,0	4,0						60,0
44.4	Hồ Ka La	Xã Ea Na	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	341,9	8,0	255,0	5,5			0,0	210,7
44.5	Hồ Ea Bôur	Xã Ea Na	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	300,0	12,3	101,0	1,6			0,0	34,1
44.6	Hồ Đăk Tour (Buôn Tour A)	Xã Ea Na	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	209,0	8,5	150,0	5,0			0,0	89,1
44.7	Hồ Ea Heng	Xã Ea Na	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	769,0	13,5	367,0	19,2			110,0	149,2
44.8	Hồ Ea Bông 1	Xã Ea Na	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	4.700,0	17,9	272,0	147,0			0,0	471,7
44.9	Hồ Ea Bông 2	Xã Ea Na	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	2.760,0	16,0	320,0					

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
44.10	Đập dâng buôn Nắc	Xã Ea Na	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	62,9
44.11	Hồ C12 (Tân Hòa Đông)	Xã Ea Na	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Bông	163,0	5,0	120,0	4,0			0,0	75,0
44.12	Hồ C10	Xã Ea Na	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Bông	106,0	6,0	120,0	2,1			0,0	47,0
44.13	Hồ Ea Mlô (Buôn Dăm)	Xã Ea Na	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	288,0	13,5	235,0	5,2			58,0	156,6
44.14	Hồ Buôn Xá (Ea Trôk Tuôr)	Xã Ea Na	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Bông	799,0	7,0	201,0	8,5			0,0	150,0
44.15	Hồ Ea Knang	Xã Ea Na	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Bông	168,0	5,0	150,0	3,5			0,0	51,0
44.16	Hồ Kruế	Xã Ea Na	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Bông	50,0	4,0		3,5			35,0	30,0
44.17	Đập dâng 10/3	Xã Ea Na	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
44.18	Đập dâng Buôn Knul 1	Xã Ea Na	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
44.19	Đập dâng Buôn Knul 2	Xã Ea Na	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
44.20	Đập dâng Buôn Riăng	Xã Ea Na	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
44.21	Đập dâng Buôn Mlót	Xã Ea Na	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								
44.22	Hồ Ea Buôr (Ea Na)	Xã Ea Na	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Na	165,0	7,0					0,0	56,0
44.23	Hồ Ea Len	Xã Ea Na	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Na	72,0	7,0	100,0	2,8			0,0	105,0
44.24	Hồ Suối Tiên	Xã Ea Na	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Na	100,0	3,0	80,0	2,1			0,0	37,0
44.25	Hồ Đội 2 - NT2	Xã Ea Na	Hồ chứa	Tổ HT DN xã Ea Na	200,0	10,6	212,0	7,9			0,0	36,0

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
45.13	Đập dâng Thôn 6	Xã Ea Ning	Đập dâng	Tổ HTDN xã Ea Hu							0,0	22,0
45.14	Đập dâng thôn 7 (Tết Plúk)	Xã Ea Ning	Đập dâng	Tổ HTDN xã Ea Hu							0,0	47,1
45.15	Đập dâng 18	Xã Ea Ning	Đập dâng	Tổ HTDN xã Ea Hu							0,0	25,0
45.16	Đập dâng cánh đồng 24	Xã Ea Ning	Đập dâng	Tổ HTDN xã Ea Hu							0,0	16,0
45.17	Hồ 24 (Sen)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	550,0	4,3	400,0	50,0			0,0	259,9
45.18	Hồ Thắng Lợi	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	630,0	5,0	170,0	29,0			57,0	121,8
45.19	Hồ Ea Hu	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hu	500,0	4,0	185,0	51,0			0,0	300,0
45.20	Hồ đội 40 (Thôn 11)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	600,0	6,0	120,0	25,0			0,0	87,0
45.21	Hồ Đội 26 (Thôn 10)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	80,0	5,0	191,0	5,2			0,0	45,0
45.22	Hồ đội 41 (thôn 14)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	120,0	8,2	160,0	6,5			0,0	30,0
45.23	Hồ đội 42 (thôn 8)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	226,0	7,3	130,0	17,0				100,0
45.24	Hồ đội 43 (thôn 21)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	350,0	12,0	300,0	17,0			0,0	126,0
45.25	Hồ đội 56 (thôn 7)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	780,0	13,0	130,0	22,0			0,0	70,0
45.26	Hồ Púk Prông	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	315,0	7,5	165,0	3,1				0,0
45.27	Hồ thôn 24	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	56,0	5,0	120,0	2,2				30,0
45.28	Đập dâng Thôn 11	Xã Ea Ning	Đập dâng	Tổ HTDN xã Ea Hning								15,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
45.29	Đập dâng Thôn 23	Xã Ea Ning	Đập dâng	Tổ HTDN xã Ea Hning								20,0
45.30	Hồ Ea Hnin II	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Hning	2.220,0	11,5	300,0	41,0			0,0	450,0
45.31	Hồ Đội 36	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Hning	408,3	10,0	150,0	7,8			0,0	108,0
45.32	Hồ 46	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Hning	150,0	12,0	220,0	13,5			0,0	180,0
45.33	Hồ 35	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Hning	120,0	8,0	180,0	8,0			0,0	50,0
45.34	Hồ 39B	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Hning	180,0	10,0	165,0	3,9			0,0	130,0
45.35	Hồ 39A	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Hning	425,0	15,0	180,0	9,8			0,0	100,0
45.36	Hồ Đội 38A	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Hning	42,0	6,0	120,0	2,5			0,0	100,0
45.37	Hồ Đội 38B	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Hning	55,0	5,0	150,0	3,5			0,0	150,0
45.38	Hồ Đội 7 (thôn 23)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	220,0	8,0	120,0	9,0			0,0	100,0
45.39	Hồ số 1 đội 5 (Hồ số 5A)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	135,0	4,0	120,0	7,0			0,0	35,0
45.40	Hồ số 2 đội 5 (Hồ số 5B)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	130,0	4,0	130,0	3,7			0,0	40,0
45.41	Hồ số 3 đội 5 (Hồ số 5C)	Xã Ea Ning	Hồ chứa	Tổ HTDN xã Ea Hning	80,0	5,0	191,0	5,1			0,0	190,0
46	XÃ EA NUÔL											0,0
46.1	Đập dâng Cây Sung	Xã Ea Nuôl	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	300,4
46.2	Đập dâng Ea Bar 2	Xã Ea Nuôl	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	5,1

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
49.1	Đập dâng Tây Sơn	Xã Ea Phê	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								
49.2	Đập dâng Buôn Jắt	Xã Ea Phê	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								
49.3	Đập dâng Ông Trí	Xã Ea Phê	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
49.4	Đập dâng Phước Hòa	Xã Ea Phê	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
49.5	Hồ Krông Búk hạ	Xã Ea Phê	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	109.340,0	33,0	#####	1.100,1		D2,2	11.400,0	7.539,2
49.6	Hồ Phước Trạch	Xã Ea Phê	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.395,0	8,5					200,0	20,7
49.7	Đập dâng Buôn Phê	Xã Ea Phê	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
49.8	Đập dâng Bến nước	Xã Ea Phê	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
49.9	Đập dâng Ông Trần	Xã Ea Phê	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
49.10	Đập dâng C3	Xã Ea Phê	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
49.11	Trạm bơm TN2	Xã Ea Phê	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
49.12	Hồ Thôn 7	Xã Ea Phê	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	643,0	11,9	356,0	15,7	BT	D35	100,0	105,3
50	XÃ EA RIÊNG											0,0
50.1	Hồ Đội 7	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	UBND xã	415,0	6,0					0,0	9,7
50.2	Hồ Đội 9	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An	400,0	7,0					0,0	13,8
50.3	Hồ Ea M'đoan	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	612,0	15,7					0,0	14,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
50.4	Hồ Thủy điện Ea M'đoan	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	3.700,0	21,0	230,0	83,0			0,0	56,0
50.5	Hồ Đội 5	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	UBND xã	43,0	11,0					0,0	43,5
50.6	Hồ Đội 6	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	UBND xã	140,0	10,0					0,0	72,4
50.7	Hồ Đội 3	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	200,0	13,0					0,0	30,0
50.8	Hồ Đội 1	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	Hư hỏng hoàn toàn							0,0	0,0
50.9	Hồ Đội 5 (Thôn 7)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	UBND xã	25,0	7,0					0,0	20,7
50.10	Hồ Đội 5 (Cụu chiến binh)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	UBND xã	49,5	4,0					0,0	15,1
50.11	Hồ Đội 4	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	84,0	6,1					0,0	160,0
50.12	Hồ Đội 5 (Khe cạn)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An	99,0	8,0					0,0	14,4
50.13	Hồ Đội 5 (Thôn 8)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An	99,0	4,0					0,0	27,6
50.14	Hồ Thôn 6	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An	110,0	6,0					0,0	59,8
50.15	Hồ Đội 2A (Thôn 3)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An (Hư hỏng hoàn toàn)							0,0	0,0
50.16	Hồ Đội 2B (Thôn 3)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	UBND xã	224,0	11,0					0,0	50,4
50.17	Hồ Đội 36	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	382,0	10,3	207,0		BT	D60	200,0	210,0
50.18	Hồ Đội 3	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An	71,0	6,0					26,0	85,8
50.19	Hồ Đội 32 (725)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An	220,0	12,5	144,0		BT	D40	100,0	67,4

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
52.1	Hồ Ea Súp thượng	Xã Ea Súp	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	146.940,0	27,0	#####	1.700,0		D180	9.455,0	8.008,8
52.2	Hồ Ea Súp hạ	Xã Ea Súp	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	9.250,0	10,0	#####	307,0			0,0	0,0
53	XÃ EA TRANG											0,0
53.1	Hồ Ea Trai Bâu	Xã Ea Trang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	215,0	13,8	206,0	4,5	Bt	D60	25,0	42,0
53.2	Hồ Ea Boa	Xã Ea Trang	Hồ chứa	UBND xã	98,2	10,0					0,0	25,7
53.3	Đập dâng Ea Khar	Xã Ea Trang	Đập dâng	Chưa giao cho đơn vị quản lý							20,0	15,0
53.4	Đập dâng Buôn Hạp	Xã Ea Trang	Đập dâng	Chưa giao cho đơn vị quản lý							25,0	15,0
54	XÃ EA TUL											0,0
54.1	Hồ Đrao 2 (Buôn Phong)	Xã Ea Tul	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Đrao	3.300,0	13,0	383,0	64,7			0,0	400,0
54.2	Hồ Ea Nhuôi	Xã Ea Tul	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	164,0	12,0	150,0	3,4			36,0	45,6
54.3	Hồ Đrao 1 (Brah)	Xã Ea Tul	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	2.204,0	15,0	330,0	62,5			0,0	124,8
54.4	Hồ Đạt Hiếu	Xã Ea Tul	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	950,0	13,0	319,0	43,2			0,0	94,4
54.5	Hồ Buôn Đình	Xã Ea Tul	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	126,0	15,0	131,0	1,4			0,0	17,0
54.6	Hồ Buôn Rao 1	Xã Ea Tul	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Đrao	250,0	11,0	195,0	4,4			0,0	30,0
54.7	Hồ Ea Mnang	Xã Ea Tul	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 15	423,0	18,0	180,0	5,5			0,0	60,0
54.8	Hồ Ea Khăm Thượng	Xã Ea Tul	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP 15	40,0	16,0	138,0	2,4			0,0	50,0

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDBT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
57.7	Trạm bơm điện Đồng Xe	Xã Hòa Mỹ	Trạm bơm	UBND Xã							15,0	13,4
58	XÃ HÒA PHÚ											0,0
58.1	Hồ Ông Hòa	Xã Hòa Phú	Hồ chứa	UBND xã Hoà Khánh	21,0	5,0	120,0	1,8			0,0	60,0
58.2	Hồ B	Xã Hòa Phú	Hồ chứa	UBND xã Hoà Khánh	45,0	5,0	100,0	3,0	Bt	D30		76,0
58.3	Hồ Ba Vòi	Xã Hòa Phú	Hồ chứa	UBND xã Hoà Khánh	93,0	7,5	110,0	4,2			0,0	72,7
58.4	Đập dâng suối đá	Xã Hòa Phú	Đập dâng	UBND xã Hoà Khánh								20,0
58.5	Đập dâng Tháng 10	Xã Hòa Phú	Đập dâng	UBND xã Hoà Phú							0,0	80,0
58.6	Đập dâng Thọ Thành	Xã Hòa Phú	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	223,0
59	XÃ HÒA SON											0,0
59.1	Đập dâng Buôn Krông	Xã Hòa Sơn	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	40,0
59.2	Đập dâng Cư Mil	Xã Hòa Sơn	Đập dâng	HTDN NN Ea Trul								62,0
59.3	Đập dâng Băng Cung	Xã Hòa Sơn	Đập dâng	HTDN NN Ea Trul								76,0
59.4	Đập dâng Plum	Xã Hòa Sơn	Đập dâng	HTDN NN Ea Trul								50,0
59.5	Trạm bơm Cư Mil	Xã Hòa Sơn	Trạm bơm	HTDN NN Ea Trul							40,0	36,0
59.6	Hồ thôn 2	Xã Hòa Sơn	Hồ chứa	HTDN NN Ea Trul	167,2	7,0	120,0	3,5			0,0	35,0
59.7	Hồ chứa Ea Juil	Xã Hòa Sơn	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	123,0	12,6	138,0	14,6	Bt	D40	24,0	22,3

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Diện tích mặt thoáng (ha)	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
59.8	Hồ chứa Ea Hra	Xã Hòa Sơn	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	47,0	7,0	118,0	3,1			0,0	17,3
59.9	Hồ 3ha5	Xã Hòa Sơn	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	60,0	4,8	200,0	3,5			0,0	0,0
59.10	Đập dâng Trốc Ắk	Xã Hòa Sơn	Đập dâng	UBND xã								
59.11	Hồ Yang Réh	Xã Hòa Sơn	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	5.400,0	15,0	270,0	66,0			350,0	268,0
60	XÃ HÒA THỊNH											0,0
60.1	Đập An San	Xã Hòa Thịnh	Đập dâng	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	0,0	2,0	23,0				511,0	523,9
60.2	Đập Phứ Hữu	Xã Hòa Thịnh	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	16,0				200,0	173,2
60.3	Đập Suối Lạnh	Xã Hòa Thịnh	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,0	11,0				25,0	16,7
60.4	Đập Ông Uyển	Xã Hòa Thịnh	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,0	5,0				25,0	20,2
60.5	Đập Bạ Thượng	Xã Hòa Thịnh	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,0	6,5				80,0	59,2
60.6	Trạm bơm điện Đồng Quán, Hòa Thịnh	Xã Hòa Thịnh	Trạm bơm	UBND Xã							80,0	63,6
60.7	Trạm bơm Sông Trong	Xã Hòa Thịnh	Trạm bơm	UBND Xã							100,0	66,8
60.8	Hồ Mỹ Lâm	Xã Hòa Thịnh	Hồ chứa	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	34,8	29,7	807,0				2.500,0	0,0
61	XÃ HÒA XUÂN											0,0
61.1	Đập Tân Giang thượng	Xã Hòa Xuân	Đập dâng	UBND Xã	0,0	3,5	78,0				370,0	164,4
61.2	Đập ngăn mặn hạ lưu Sông Bàn Thạch	Xã Hòa Xuân	Đập dâng	UBND Xã	0,0	3,2	88,0				0,0	0,0

[illegible]

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
64.1	Hồ Suối Muối	Xã Krông Ana	Hồ chứa	HTX Quảng Tân	196,0	7,0	275,0	2,0			75,0	39,0
64.2	Trạm bơm Buôn Trấp 3 (Thôn 6)	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Nhật Minh							420,0	310,0
64.3	Trạm bơm T29	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Nhật Minh							0,0	88,0
64.4	Trạm bơm Buôn Trấp 2	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Quảng Tân							0,0	75,0
64.5	Trạm bơm Bầu gai 1	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Quảng Tân							0,0	72,0
64.6	Trạm bơm Ea Chai	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Quảng Tân							180,0	164,0
64.7	Trạm bơm Cục bộ Sinh đũa	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Quảng Tân							0,0	69,0
64.8	Trạm bơm Bầu Gai 2	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Quảng Tân							0,0	23,0
64.9	Trạm bơm Bầu Sen	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Quảng Tân								175,0
64.10	Trạm bơm Xóm lúa	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Quảng Tân								168,0
64.11	Trạm bơm Bầu cỏ	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Quảng Tân								160,0
64.12	Trạm bơm Buôn Trấp 1	Xã Krông Ana	Trạm bơm	HTX Quyết Tiến							251,6	251,6
64.13	Đập dâng C7	Xã Krông Ana	Đập dâng	HTX TM & DV Quỳnh Tân							0,0	32,0
64.14	Hồ Buôn Cầm	Xã Krông Ana	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	220,0	14,0	137,0	6,5			0,0	119,1
64.15	Hồ Ea Giang	Xã Krông Ana	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	264,0	11,4	61,0	3,3			0,0	23,0
64.16	Hồ Sen	Xã Krông Ana	Hồ chứa	HTX TM & DV Quỳnh Tân	800,0	8,5	400,0	10,0			0,0	140,0

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
65.1	Hồ An Ninh	Xã Krông Bông	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	600,0	7,0	230,0	14,6			0,0	99,0
65.2	Đập dâng Đông Duy Lễ	Xã Krông Bông	Đập dâng	T TNCs Đông Duy Lễ							0,0	40,5
65.3	Hồ Hố Kè	Xã Krông Bông	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.606,5	11,6	245,0	26,3			160,0	135,0
65.4	Đập dâng Krông Kmar	Xã Krông Bông	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	627,5
66	XÃ KRÔNG BÚK											0,0
66.1	Hồ Buôn Dhiă (B. Thía)	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	986,0	10,3	270,0	10,0			0,0	164,4
66.2	Hồ Ea Kung	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Né	173,4	10,3	135,0	5,0	BT		47,0	86,2
66.3	Hồ Ea Kmu	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	765,7	14,4	194,0	21,2	BT	D30	225,0	126,9
66.4	Hồ Buôn Mùi II	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Né	211,0	8,0	155,0	7,1			0,0	66,5
66.5	Hồ Buôn Drô	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Né	92,0	7,0	94,0	4,0			0,0	116,0
66.6	Hồ Ea Siăk	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	340,0	14,3	122,0	9,0	BT	D30	0,0	213,7
66.7	Hồ Cư Né 3	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Né	118,0	11,4	90,0	2,9			0,0	75,7
66.8	Hồ Ea Gin (Suối Ea Gin)	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Cư Né	400,0	10,7	430,0	6,3	Bt		0,0	183,4
66.9	Hồ Ea Tlul (đập 1)	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Công ty cà phê Phước An	1.386,2	13,0	242,0	37,5			0,0	275,0
66.10	Hồ Cư Né 4	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Công ty cà phê Phước An	198,0	11,2	100,0	8,7			0,0	87,0
66.11	Hồ Cư Né 6	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Công ty cà phê Phước An	350,0	11,6	120,0	6,1			0,0	95,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
66.12	Hồ Thủy Điện	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	520,0	11,0	234,0	43,2			0,0	64,9
66.13	Hồ Ea Mlung	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	292,0	15,7	115,0	7,0			0,0	250,2
66.14	Hồ An Bình	Xã Krông Búk	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	96,2	10,2	89,0	2,1			0,0	27,7
67	XÃ KRÔNG NĂNG											0,0
67.1	Hồ Buôn Giêr (buôn Gir)	Xã Krông Năng	Hồ chứa	HTX NCN Ea Hồ	217,0	11,8	174,0	8,0	Bt	D30	21,0	220,9
67.2	Hồ Bảy Thiện (Cty C,Su)	Xã Krông Năng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	250,0	8,0	155,0	10,0			0,0	194,5
67.3	Trạm bơm hồ Bảy Thiện	Xã Krông Năng	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL								
67.4	Hồ Ea Drông	Xã Krông Năng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	150,0	12,0	232,0	3,8	BT	D40	40,0	80,0
67.5	Hồ Ea Khuôn	Xã Krông Năng	Hồ chứa	HTX NCN Ea Hồ	350,0	8,5	155,0	4,2			0,0	127,6
67.6	Hồ Ea Mút	Xã Krông Năng	Hồ chứa	HTX NCN Ea Hồ	85,0	8,5	127,0	2,8			0,0	44,9
67.7	Hồ Ea Quanh	Xã Krông Năng	Hồ chứa	HTX Ea Hồ	276,8	10,7	177,0	8,7	Bt	D30	0,0	143,0
67.8	Hồ Trấp Ksor	Xã Krông Năng	Hồ chứa	Khu bảo tồn thủy tùg	115,5	6,0	110,0	18,0			0,0	35,0
67.9	Hồ Đà Lạt	Xã Krông Năng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	87,2	13,6	187,0	3,6			0,0	28,0
67.10	Hồ Đông Hồ	Xã Krông Năng	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	652,0	15,3	265,8	17,0			0,0	250,0
67.11	Hồ Ea Kmâm 1	Xã Krông Năng	Hồ chứa	HTX TT Krông Năng	105,0	7,0	147,0	7,0			112,0	104,0
67.12	Hồ Thanh Niên	Xã Krông Năng	Hồ chứa	HTX TT Krông Năng	185,0	7,7	155,0	4,0			0,0	30,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
69.7	Hồ Buôn Dung I (suối bèo)	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	120,0	9,0					0,0	80,0
69.8	Hồ Buôn Dung II	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	650,0	8,6	264,0		Bt	D80	100,0	140,0
69.9	Hồ Ông Thọ	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	100,0	6,0					0,0	32,0
69.10	Hồ Phước Hà II	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	340,0	9,3					0,0	80,0
69.11	Hồ Quận 10/2	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	200,0	8,0					0,0	52,0
69.12	Hồ Suối khi II	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	120,0	7,0					0,0	60,0
69.13	Hồ Suối khi III	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	130,0	8,0					0,0	50,0
69.14	Hồ Suối Khi I	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	65,0	7,5					0,0	50,0
69.15	Hồ Giữa Buôn	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	108,0	6,8					0,0	57,0
69.16	Hồ Bằng Dầu	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	27,0	5,0					0,0	60,0
69.17	Hồ Ea Kênh	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	32,0	5,0					0,0	11,0
69.18	Hồ Phước Thành	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	230,0	10,0					0,0	20,0
69.19	Hồ Phước An 3 (Ông Đồng)	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	78,4	7,8	175,0				0,0	64,0
69.20	Hồ Chăn Nuôi	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	128,0	8,0					0,0	60,0
69.21	Hồ Suối 2 (Ông Chương)	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	96,0	6,2					0,0	57,0
69.22	Hồ Suối 2 (Ông Ngo)	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ HTDN Ea Yông	52,0	5,0					0,0	48,0

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m ³)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
69.39	Đập dâng Thôn 4A	Xã Krông Pắc	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
69.40	Đập dâng Thôn 4B	Xã Krông Pắc	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
69.41	Đập dâng Thôn 3(Ô.Hùng)	Xã Krông Pắc	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
69.42	Đập dâng 10 Cang Thôn 3	Xã Krông Pắc	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
69.43	Hồ 3 tháng 2 (7 ha)	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ QL KTCTTL	300,0	9,8					0,0	120,0
69.44	Hồ 31	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ QL KTCTTL	219,5	9,4	239,0	8,5	Bt	D40	109,0	110,0
69.45	Hồ Sinh Tre	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ QL KTCTTL	50,0	8,0					0,0	30,0
69.46	Hồ Tân An	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ QL KTCTTL	300,0	9,8					0,0	10,0
69.47	Hồ Rừng Già	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ QL KTCTTL	80,0	6,0						14,2
69.48	Hồ Giếng Xối	Xã Krông Pắc	Hồ chứa	Tổ QL KTCTTL	50,0	5,0						11,6
70	XÃ LIÊN SƠN LẮK											0,0
70.1	Đập dâng Buôn Diêu	Xã Liên Sơn Lắc	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	33,0
70.2	Đập dâng Dak Păl	Xã Liên Sơn Lắc	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	77,4
70.3	Đập dâng Dak Duk	Xã Liên Sơn Lắc	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,7
70.4	Đập dâng Dak Năk	Xã Liên Sơn Lắc	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	28,2
70.5	Trạm bơm Buôn Mah	Xã Liên Sơn Lắc	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	7,5

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
71.1	Đập dâng Ea Lai	Xã M'Drăk	Đập dâng	Không sử dụng							0,0	0,0
71.2	Hồ Ea Kô	Xã M'Drăk	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An	181,5	9,0					0,0	24,2
71.3	Hồ Thôn 3	Xã M'Drăk	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	155,0	5,0					0,0	73,0
71.4	Đập dâng Khe Tăm	Xã M'Drăk	Đập dâng	UBND xã							0,0	40,6
71.5	Đập dâng Ea Pal	Xã M'Drăk	Đập dâng	UBND xã							0,0	45,9
71.6	Đập dâng Ea Lai	Xã M'Drăk	Đập dâng	UBND xã							0,0	12,2
71.7	Đập dâng Buôn Um	Xã M'Drăk	Đập dâng	UBND xã							0,0	19,7
71.8	Hồ Ea Mrôh	Xã M'Drăk	Hồ chứa	UBND xã	210,0	10,0	352,0		BT	D40	20,0	20,9
71.9	Hồ Ea Ktung	Xã M'Drăk	Hồ chứa	HTX DV NN Bảo An	200,0	8,8					0,0	30,1
71.10	Hồ Ea Bôi	Xã M'Drăk	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	560,5	7,9					135,0	131,0
71.11	Hồ Ea Kpal	Xã M'Drăk	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	100,0	7,0	420,0		Bt	D30	36,0	35,0
71.12	Đập dâng hồ Sen	Xã M'Drăk	Đập dâng	UBND xã							0,0	15,3
72	XÃ NAM KA											0,0
72.1	Trạm bơm Ea Rbin	Xã Nam Ka	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	62,5
72.2	Trạm bơm Ea Rbin 2	Xã Nam Ka	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							120,0	45,1
72.3	Đập dâng Ea Rbin	Xã Nam Ka	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
74.1	Trạm bơm điện Hoà Định	Xã Phú Hòa 1	Trạm bơm	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam							0,0	0,0
74.2	Trạm bơm điện Đồng Lam	Xã Phú Hòa 1	Trạm bơm	UBND Xã							20,0	18,6
74.3	Trạm bơm điện Đồng Quán	Xã Phú Hòa 1	Trạm bơm	UBND Xã							0,0	0,0
75	XÃ PHÚ HÒA 2											0,0
75.1	Hồ chứa nước Lỗ Chài 1	Xã Phú Hòa 2	Hồ chứa	Ban quản lý khu công nghiệp công nghệ cao	0,3	23,5	61,3				0,0	0,0
76	XÃ PHÚ MỠ											0,0
76.1	Đập Mò O	Xã Phú Mỡ	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,0	30,0				60,0	8,7
76.2	Đập Cây Vừng	Xã Phú Mỡ	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,4	15,0				20,0	15,8
76.3	Đập Suối Cỏi	Xã Phú Mỡ	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	32,8				20,0	8,7
76.4	Đập Bà Quân	Xã Phú Mỡ	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				10,0	9,4
76.5	Đập Suối Hàn	Xã Phú Mỡ	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				10,0	9,1
76.6	Trạm bơm điện Phú Giang	Xã Phú Mỡ	Trạm bơm	UBND Xã							40,0	26,9
76.7	Trạm bơm điện Phú Lợi	Xã Phú Mỡ	Trạm bơm	UBND Xã							20,0	5,7
77	XÃ PHÚ XUÂN											0,0
77.1	Hồ Ea Tók	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX Tân Tiến	160,0	8,7	136,0				15,0	108,6
77.2	Hồ Cây Đa	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX Minh Toàn Lợi	270,6	10,6	154,0	6,3	BT		75,0	76,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
77.3	Hồ Ea Buih	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX Minh Toàn Lợi	56,7	7,7	97,0	2,6			0,0	65,8
77.4	Hồ Ea Dril II	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX Minh Toàn Lợi	75,0	9,0	236,0	2,9	BT	D30	90,0	125,0
77.5	Hồ C9 (Đội 9, Phú Xuân 2)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	70,0	5,0	180,0	4,0			0,0	46,4
77.6	Hồ Đội 11	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	177,0	7,0	200,0	6,0			0,0	120,0
77.7	Hồ Đội 18	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	180,0	5,0	250,0	8,0			0,0	110,0
77.8	Hồ Buôn Thu	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	54,0	8,5	135,0	0,9			0,0	73,0
77.9	Hồ C3	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	125,0	6,0	100,0	2,9			0,0	20,0
77.10	Hồ C6	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	158,0	6,0	120,0	10,0			65,0	23,0
77.11	Hồ Đội 14	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	152,0	7,0	250,0	7,0			0,0	31,0
77.12	Hồ Đội 7 (C7, Phú Xuân 1)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	388,0	14,9	281,0	11,0			0,0	21,8
77.13	Hồ Đội 13 (Đập Ea Kô)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	110,0	8,0	115,0	3,0			0,0	25,0
77.14	Hồ Ea Bru 1	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	125,0	6,0	250,0	4,0			0,0	50,0
77.15	Hồ Ea Bru 2	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	174,0	7,5	176,0	5,0			0,0	134,0
77.16	Hồ Ea Drông 1 (Hữu Nghị)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.200,0	12,0	425,0	75,5	BT	D80	550,0	135,1
77.17	Hồ Ea Drông 2 (C16)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	322,6	9,0	290,0	13,0			0,0	53,0
77.18	Hồ Ea Kar (Đội 1)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	185,0	6,0	150,0	5,0			0,0	40,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
77.19	Hồ Ea Kmiên 1	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	122,0	6,0	200,0	3,0			0,0	22,0
77.20	Hồ Ea Kmiên 2	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	158,0	8,0	250,0	4,0			0,0	90,0
77.21	Hồ Ea Kmiên 3	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	210,0	8,0	213,0	5,0	Bt	D40	92,0	50,0
77.22	Hồ Ea Kung 1	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	205,0	6,0	200,0	6,0			0,0	40,0
77.23	Hồ Ea Kung 2	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	356,0	6,0	150,0	8,0			0,0	30,0
77.24	Hồ Buôn Kú	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	142,0	8,0	100,0	6,0			0,0	55,0
77.25	Hồ Trũng Tre	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	200,0	11,2	366,0	6,5			0,0	33,0
77.26	Hồ Ủy Ban (HTX 2)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	HTX TN TH Phú Xuân	50,0	10,0	150,0	2,4			0,0	15,0
78	XÃ PONG DRANG											0,0
78.1	Hồ Ea Ngai	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	168,0	13,5	90,0	5,0			0,0	103,3
78.2	Hồ Thôn 1	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Ea Ngai	330,0	9,0	210,0	1,6			100,0	82,7
78.3	Hồ Đạt Hiếu	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Ea Ngai	174,0	13,5	155,0	4,7			85,0	80,3
78.4	Hồ Ea Kang	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Tổ TN xã Pong Drang	242,0	10,5	137,0	5,7	Bt		100,0	146,3
78.5	Hồ Vườn Ươm	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Tổ TN xã Pong Drang	252,0	9,0	120,0	7,5	Bt	D30	0,0	161,6
78.6	Hồ Chế biến	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	112,0	12,0	90,0	5,5	Bt		0,0	46,8
78.7	Hồ Ea Nur	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Tổ TN xã Pong Drang	90,0	10,0	80,0	2,2	Bt		50,0	43,1

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Diện tích mặt thoáng (ha)	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
78.8	Hồ Ea Puốc (Buôn Lang 1)	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Tân Lập	200,0	13,4	139,0	4,3	BT	D30	0,0	80,0
78.9	Hồ Ea Mút	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Tân Lập	226,0	13,8	256,0	6,5	BT		107,0	158,0
78.10	Hồ Ea Krắc (Đội 4)	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Tổ thủy nông xã Tân Lập	215,0	8,2	135,0	11,6			285,0	65,0
78.11	Hồ Phú Khánh (B.Lang 2)	Xã Pong Drang	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	724,0	12,0	220,0	31,0			130,0	94,0
79	XÃ QUẢNG PHÚ											0,0
79.1	Đập dâng Súp Mru	Xã Quảng Phú	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	22,7
79.2	Hồ Ea Trum	Xã Quảng Phú	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	323,0	9,0	150,0	3,7			0,0	20,9
79.3	Hồ Đội 2	Xã Quảng Phú	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Pók	47,0	4,5	48,0	0,8			0,0	0,0
79.4	Đập dâng Ea Chua	Xã Quảng Phú	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	318,6
79.5	Hồ Buôn Lang 1	Xã Quảng Phú	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	380,0	5,8	570,0	15,0	BT	D30	150,0	115,9
79.6	Đập dâng Buôn Pók	Xã Quảng Phú	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
79.7	Đập dâng Buôn Pók A	Xã Quảng Phú	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL, thủy lợi nội đồng huyện Cư M'gar								20,0
79.8	Hồ Lô 2	Xã Quảng Phú	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Pók	100,0	7,0	176,0	3,5			0,0	51,0
79.9	Hồ 4A	Xã Quảng Phú	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Pók	190,0	8,8	120,0	8,2			0,0	154,0
79.10	Hồ 4B	Xã Quảng Phú	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Pók	50,0	12,0	161,0	1,0			0,0	55,0
79.11	Hồ 4C	Xã Quảng Phú	Hồ chứa	Cty TNHH MTV CP Ea Pók	50,0	8,0	120,0	1,7			0,0	40,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
80.9	Trạm bơm điện Tây Hòa	Xã Sơn Hòa	Trạm bơm	UBND Xã							86,0	124,7
80.10	Trạm bơm điện Đông Hòa	Xã Sơn Hòa	Trạm bơm	UBND Xã							98,0	71,0
80.11	Trạm bơm điện Tịnh Sơn	Xã Sơn Hòa	Trạm bơm	UBND Xã							210,0	46,0
80.12	Đập Suối Cau	Xã Sơn Hòa	Đập dâng	UBND Xã							31,0	0,0
80.13	Đập Ma Teng	Xã Sơn Hòa	Đập dâng	UBND Xã							5,0	0,0
81	XÃ SƠN THÀNH											0,0
81.1	Đập Đồng Cam	Xã Sơn Thành	Đập dâng	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	0,0	10,0	654,9				19.800,0	13.677,1
81.2	Đập Sông Con	Xã Sơn Thành	Đập dâng	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	0,0	0,0	56,0				1.472,0	825,5
81.3	Trạm bơm điện Đồng Bò	Xã Sơn Thành	Trạm bơm	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam							0,0	0,0
81.4	Hồ Sơn Tây (Thượng)	Xã Sơn Thành	Hồ chứa	UBND Xã	0,2	10,8	220,0				20,0	0,0
81.5	Hồ Sơn Tây (Hạ)	Xã Sơn Thành	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				0,0	0,0
81.6	Hồ Đồng Tròn	Xã Sơn Thành	Hồ chứa	HTX NN KDDV Sơn Thành Đông	0,0	0,0	0,0				100,0	29,4
81.7	Hồ Suối Hiền	Xã Sơn Thành	Hồ chứa	UBND Xã	0,6	9,0	156,3				30,0	21,1
81.8	Hồ Trường Lạc	Xã Sơn Thành	Hồ chứa	UBND Xã	0,7	11,9	345,0				300,0	0,0
81.9	Hồ Lạc Phong	Xã Sơn Thành	Hồ chứa	UBND Xã	0,5	7,2	510,0				0,0	0,0
81.10	Đập Bà Đò	Xã Sơn Thành	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,0	5,0				50,0	33,9

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
81.11	Trạm bơm điện ông Toàn	Xã Sơn Thành	Trạm bơm	UBND Xã							30,0	33,7
82	XÃ SÔNG HÌNH											0,0
82.1	Hồ Trung Tâm	Xã Sông Hình	Hồ chứa	UBND Xã	1,3	7,5	580,0				5,0	7,0
82.2	Hồ Cầu Đỏ	Xã Sông Hình	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				0,0	0,0
82.3	Hồ H Kli H,Bot	Xã Sông Hình	Hồ chứa	UBND Xã	0,2	0,0	0,0				0,0	0,0
82.4	Hồ Buôn La Bách	Xã Sông Hình	Hồ chứa	UBND Xã	2,6	20,1	605,0				278,0	166,4
82.5	Hồ Buôn Đức	Xã Sông Hình	Hồ chứa	UBND Xã	4,3	19,6	#####				300,0	206,7
82.6	Đập Buôn Kít	Xã Sông Hình	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,6	17,6				140,0	58,8
82.7	Đập Ea SaRan	Xã Sông Hình	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,0	12,8				20,0	0,0
82.8	Đập EaTrol	Xã Sông Hình	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,5	130,0				176,0	116,6
82.9	Trạm bơm Hồ Trung Tâm	Xã Sông Hình	Trạm bơm	UBND Xã							55,0	55,0
83	XÃ SUỐI TRAI											0,0
83.1	Trạm bơm điện Buôn Lé	Xã Suối Trai	Trạm bơm	UBND Xã							300,0	100,0
84	XÃ TAM GIANG											0,0
84.1	Hồ Ea Ngách (Ngah)	Xã Tam Giang	Hồ chứa	Cty cao su Krông Buk	750,0	9,0	120,0	22,7			130,0	130,0
84.2	Hồ lô 60	Xã Tam Giang	Hồ chứa	Cty cao su Krông Buk	82,5	6,3	92,0	1,4			25,0	25,0

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNCBT (103m³)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Diện tích mặt thoáng (ha)²	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
85.1	Đập dâng Buôn Hàng IA	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							50,0	0,0
85.2	Đập dâng Tân Lợi 1	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
85.3	Hồ Buôn Hàng IB	Xã Tân Tiến	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	273,0	12,3	300,0	7,4	Bt	D30	27,0	10,7
85.4	Hồ Buôn Hàng IC	Xã Tân Tiến	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	342,0	12,8	419,0	10,0	Bt	D30	0,0	48,4
85.5	Trạm bơm Thôn 8+11	Xã Tân Tiến	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	205,1
85.6	Trạm bơm Thôn 14	Xã Tân Tiến	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	97,2
85.7	Đập dâng Đắk Leng 1	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
85.8	Đập dâng Đắk Leng 2	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
85.9	Đập dâng Ama Thanh	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL								0,0
85.10	Hồ Ea Yìêng	Xã Tân Tiến	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	910,0	10,0					50,0	74,5
85.11	Trạm bơm Ea Yìêng	Xã Tân Tiến	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							80,0	129,7
85.12	Trạm bơm Tong tìng	Xã Tân Tiến	Trạm bơm	Tổ HTDN Ea Yìêng							70,0	0,0
85.13	Hồ Ea Dray	Xã Tân Tiến	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	530,0	17,8					0,0	177,0
85.14	Hồ Ea Dray 2	Xã Tân Tiến	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	210,0	12,0					0,0	0,0
85.15	Đập dâng Ama Truc	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
85.16	Đập dâng Buôn Knier	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
85.17	Đập dâng Cao Diễm	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
85.18	Đập dâng Kplang	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
85.19	Đập dâng Na Tu	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
85.20	Đập dâng Ea Uy hạ	Xã Tân Tiến	Đập dâng	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	0,0
86	XÃ TÂY HÒA											0,0
86.1	Đập Bầu Đá	Xã Tây Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,0	5,0				100,0	81,5
86.2	Trạm bơm điện Đồng Muồn	Xã Tây Hòa	Trạm bơm	UBND Xã							55,0	52,9
86.3	Hồ Hóc Rằm	Xã Tây Hòa	Hồ chứa	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	2,9	17,8	256,0				200,0	117,7
86.4	Đập Đồng Lau	Xã Tây Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	3,0	15,0				120,0	42,5
86.5	Trạm bơm điện Bình Sơn	Xã Tây Hòa	Trạm bơm	UBND Xã							250,0	398,6
87	XÃ TÂY SƠN											0,0
87.1	Hồ Cây Da	Xã Tây Sơn	Hồ chứa	HTX Quản lý TN Sơn Hòa	0,5	7,0	100,0				10,0	3,3
87.2	Hồ Tân Lương	Xã Tây Sơn	Hồ chứa	HTX Quản lý TN Sơn Hòa	0,4	6,5	150,0				0,0	0,0
87.3	Hồ Trà Kê	Xã Tây Sơn	Hồ chứa	HTX Quản lý TN Sơn Hòa	0,1	7,8	183,0				2,0	2,1
87.4	Hồ Suối Dĩ	Xã Tây Sơn	Hồ chứa	HTX Quản lý TN Sơn Hòa	0,5	9,0	75,0				0,0	0,0
87.5	Đập Suối Sậy	Xã Tây Sơn	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				10,0	3,0

[illegible]

[illegible]

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Diện tích mặt thoáng (ha)	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
88.26	Đập Phong Hậu	Xã Tuy An Bắc	Đập dâng	UBND Xã							20,0	0,0
89	XÃ TUY AN ĐÔNG											0,0
89.1	Đập Tam Giang	Xã Tuy An Đông	Đập dâng	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	0,0	3,5	141,0				0,0	0,0
89.2	Đập Ông Tấn	Xã Tuy An Đông	Đập dâng	UBND Xã							0,0	0,0
90	XÃ TUY AN NAM											0,0
90.1	Trạm bơm dầu Bầu Súng	Xã Tuy An Nam	Trạm bơm	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam							60,0	109,6
91	XÃ TUY AN TÂY											0,0
91.1	Hồ Đồng Tròn (Tuy An Tây)	Xã Tuy An Tây	Hồ chứa	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	19,6	29,0	270,0				1.950,0	387,4
91.2	Hồ Bầu Đô	Xã Tuy An Tây	Hồ chứa	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				30,0	0,0
91.3	Đập Cây Kê	Xã Tuy An Tây	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				20,0	13,4
91.4	Trạm bơm Ben Miêu	Xã Tuy An Tây	Trạm bơm	UBND Xã							40,0	37,3
91.5	Đập Đồng Kế	Xã Tuy An Tây	Đập dâng	UBND Xã							15,0	0,0
92	XÃ VÂN HÒA											0,0
92.1	Hồ Hòa Thuận	Xã Vân Hòa	Hồ chứa	Công ty TH True milk	0,5	9,0	185,0				50,0	3,5
92.2	Hồ Vân Hòa 3	Xã Vân Hòa	Hồ chứa	UBND Xã	0,8	7,6	240,0				100,0	0,0
92.3	Hồ Suối Phên	Xã Vân Hòa	Hồ chứa	UBND Xã	0,5	12,0	400,0				50,0	0,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
92.4	Đập Trại Thị	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				25,0	6,6
92.5	Đập Miếu	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,9	28,0				20,0	3,9
92.6	Đập Rộc Dài	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,8	2,7				15,0	13,2
92.7	Đập Suối Quèo	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,6	6,0				20,0	1,0
92.8	Đập Liên Sơn	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,5	5,0				10,0	4,5
92.9	Đập Ruộng Mạch	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				10,0	2,8
92.10	Đập Đồng Chùa	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				5,0	2,0
92.11	Đập Tăng Gia	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				10,0	8,5
92.12	Đập Tầm ngựa	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				10,0	6,5
92.13	Đập Bà Tung	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				6,0	2,7
92.14	Đập Lỗ Châu	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				10,0	3,7
92.15	Đập Đồi	Xã Vân Hòa	Đập dâng	UBND Xã							10,0	0,0
93	XÃ VỤ BỒN											0,0
93.1	Hồ Vụ Bồn	Xã Vụ Bồn	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	5.036,0	13,0					0,0	572,9
93.2	Hồ Ea Nong	Xã Vụ Bồn	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	1.285,0	13,0	890,0	30,2	Bt	D40	100,0	107,4
93.3	Hồ Suối 2	Xã Vụ Bồn	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	913,0	10,8	800,0	38,0	Bt	D50	110,0	36,6

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m) ⁶	Diện tích mặt thoáng (ha) ²	Trần	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
93.4	Hồ Thôn 5	Xã Vụ Bản	Hồ chứa	Tổ QL KTCTTL	124,0	5,0					0,0	73,0
93.5	Trạm bơm Tân Quý	Xã Vụ Bản	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	90,5
93.6	Trạm bơm Thôn 6+7	Xã Vụ Bản	Trạm bơm	Cty TNHH MTV QLCT TL							0,0	95,8
94	XÃ XUÂN CẢNH											0,0
94.1	Hồ Xuân Bình	Xã Xuân Cảnh	Hồ chứa	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	6,4	30,0	190,0				100,0	61,0
95	XÃ XUÂN LÃNH											0,0
95.1	Hồ Kỳ Châu	Xã Xuân Lãnh	Hồ chứa	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	3,8	28,1	262,4				480,0	90,0
95.2	Đập Sông Mun	Xã Xuân Lãnh	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				5,0	1,8
96	XÃ XUÂN LỘC											0,0
96.1	Đập Cây Dừa	Xã Xuân Lộc	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,2	10,0				25,0	13,0
96.2	Đập Long Thạnh	Xã Xuân Lộc	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,7	20,0				60,0	11,2
96.3	Đập Lò Gốm	Xã Xuân Lộc	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,7	20,0				25,0	12,0
96.4	Đập Chánh Lộc	Xã Xuân Lộc	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,7	25,0				25,0	19,0
96.5	Đập Đồng Sơn	Xã Xuân Lộc	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,2	11,5				30,0	20,0
96.6	Đập Đồng Lùng	Xã Xuân Lộc	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,5	20,0				20,0	15,0
96.7	Đập Ông Chồn	Xã Xuân Lộc	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,2	15,0				25,0	5,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDĐT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)6	Diện tích mặt thoáng (ha)2	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
96.8	Đập Ông Đào	Xã Xuân Lộc	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,2	15,0				20,0	13,1
96.9	Đập Thạch Khê	Xã Xuân Lộc	Đập dâng	UBND Xã	0,0	2,5	25,0				140,0	52,9
97	XÃ XUÂN PHƯỚC											0,0
97.1	Hồ Phú Xuân	Xã Xuân Phước	Hồ chứa	Công ty TNHH MTV TN Đồng Cam	11,2	23,8	516,0				1.500,0	458,7
97.2	Đập Hòn Cao	Xã Xuân Phước	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				150,0	25,6
97.3	Đập Lộ Thiên	Xã Xuân Phước	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				45,0	44,5
97.4	Đập suối Cầu	Xã Xuân Phước	Đập dâng	UBND Xã	0,0	0,0	0,0				50,0	47,7
97.5	Hồ chứa nước K2	Xã Xuân Phước	Hồ chứa	Trại giam Xuân Phước	0,9	14,0	301,4				Dân sinh	0,0
97.6	Trạm bơm điện Chợ Lùng	Xã Xuân Phước	Trạm bơm	UBND Xã							25,0	40,0
97.7	Trạm bơm điện Đồng Bé	Xã Xuân Phước	Trạm bơm	UBND Xã							15,0	15,2
97.8	Trạm bơm Bầu 11 Mán	Xã Xuân Phước	Trạm bơm	UBND Xã							5,0	2,2
97.9	Trạm bơm điện Thạnh Đức	Xã Xuân Phước	Trạm bơm	UBND Xã							10,0	8,5
97.10	Trạm bơm dầu Phước Lộc	Xã Xuân Phước	Trạm bơm	UBND Xã							10,0	6,5
98	XÃ XUÂN THỌ											0,0
98.1	Đập Bầu Ao (Bình Nông)	Xã Xuân Thọ	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,7	20,0				10,0	6,0
98.2	Đập Bình Tây	Xã Xuân Thọ	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,2	40,0				40,0	20,0

STT	Tên công trình	Xã, phường (mới)	Hình thức công trình	Đơn vị quản lý	Dung tích MNDBT (103m3)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Diện tích mặt thoáng (ha)	Tràn	Cống (cm)	Diện tích tưới TK (ha)	Tổng
98.3	Đập Đá	Xã Xuân Thọ	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,0	10,0				35,0	33,5
98.4	Đập Suối Tre	Xã Xuân Thọ	Đập dâng	UBND Xã	0,0	1,5	25,0				15,0	10,8
99	XÃ YANG MAO											0,0
99.1	Đập dâng Cư Nhứt	Xã Yang Mao	Đập dâng	Tổ HTDN Cư Drăm							0,0	10,3
99.2	Đập dâng Trấp Plei	Xã Yang Mao	Đập dâng	Tổ HTDN Cư Drăm							0,0	98,4
99.3	Hồ Ea Knao	Xã Yang Mao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	273,0	14,2	245,0	7,6			0,0	18,9
99.4	Đập dâng Ea Nhứt	Xã Yang Mao	Đập dâng	Tổ TNCS Yang Mao							0,0	22,5
99.5	Đập dâng Ea Nhung	Xã Yang Mao	Đập dâng	Tổ TNCS Yang Mao								
99.6	Đập dâng Ea Tông	Xã Yang Mao	Đập dâng	Tổ TNCS Yang Mao							0,0	16,0
99.7	Đập dâng Ea Khar	Xã Yang Mao	Đập dâng	Tổ TNCS Yang Mao							0,0	33,0
99.8	Hồ Ea Tar	Xã Yang Mao	Hồ chứa	Cty TNHH MTV QLCT TL	241,0	13,5	196,0	5,0			0,0	14,7